

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117 /2018/HC-PT**

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

V/v “*Khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực
hoạt động thương mại*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 150/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2018, về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thương mại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150a/2018/QĐXXPT- HC ngày 26 tháng 7 năm 2018; giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Quốc T; địa chỉ: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *Vắng mặt*.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2017- BL 14*), *Có mặt*.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải N - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (*Văn bản ủy quyền ngày 15/02/2017*) - *Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trương Văn N - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng cục Quản lý thị trường Đắk Lắk, địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt.*

2. Ông Nguyễn Ngọc L – Chức vụ: Phó Chánh thanh tra Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đội Quản lý thị trường số 1 - Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Nguyễn Quốc T - Chức vụ: Đội trưởng; địa chỉ trụ sở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo trình bày của người khởi kiện là ông Trần Quốc T và trình bày của người đại diện theo ủy quyền có nội dung như sau:

Ông Trần Quốc T cùng với ông Nguyễn Thế V và ông Trần Quốc T1 kinh doanh dịch vụ in ấn - Photocopy trên địa bàn thành phố B. Để có nguyên liệu phục vụ cho việc in ấn và Photocopy, ngày 23/8/2016 ông Trần Quốc T mua 2.000 ram giấy Copypaper 60 A4 với giá trị 79.200.000đ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất giấy X (sau đây viết tắt là Công ty X), địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Việc mua bán giấy giữa ông T và Công ty X có đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa và các giấy tờ chứng minh giấy được nhập khẩu hợp pháp. Sau khi mua giấy, ông T thuê ông Lê Văn Đ vận chuyển giấy bằng ô tô từ thành phố Hồ Chí Minh về thành phố B, khi xe ô tô của ông Đ vận chuyển giấy đến tỉnh Bình Phước, thì xe ô tô bị hư hỏng, ông Đ đã thuê ông Nguyễn Thành N, là người điều khiển xe ô tô tải biển số 47C-112.95 tiếp tục vận chuyển 2.000 ram giấy về thành phố B. Do sơ suất, ông Đ không giao cho ông N chứng từ hóa đơn 2.000 ram giấy khi vận chuyển.

Ngày 24/8/2016, ông N điều khiển xe vào bến xe phía Nam, thành phố B bốc dỡ hàng hóa thì bị Đội quản lý thị trường số 1, thuộc Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk kiểm tra, yêu cầu xuất trình hóa đơn, chứng từ nguồn gốc

2.000 ram giấy. Do các giấy tờ này ông Đ đang giữ nên ông N và ông T chưa thể cung cấp được, Đội quản lý thị trường số 1 lập biên bản cho rằng ông T có hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu nên đã tạm giữ 2.000 ram giấy cùng phương tiện vận chuyển là xe ô tô của ông N. Ngày 25/8/2016, ông T đã cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, các giấy tờ liên quan đến 2.000 ram giấy là của Công ty X nhập khẩu hợp pháp cho Đội quản lý thị trường số 1 xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, khi sự việc chưa được xem xét giải quyết thì ngày 31/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T bằng hình thức phạt tiền 30.000.000đ và tịch thu 2.000 ram giấy của ông T. Không Đồng ý quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên, ông T đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 3245/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016 với nội dung không xử phạt tiền, còn các nội dung khác thì vẫn giữ nguyên như Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016.

Ông T cho rằng quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên là trái pháp luật, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bởi vì: Việc ông mua giấy là để phục vụ cho hoạt động in ấn, photocopy theo giấy phép của Nhà nước, chứ không phải kinh doanh; số lượng giấy được mua hợp pháp của Công ty X, có đầy đủ giấy tờ hợp pháp theo quy định; theo quy định của pháp luật việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm, nhưng đối với sự việc này, thời hạn ban hành quyết định là 08 ngày (lập biên bản vi phạm ngày 24/8/2016 nhưng đến ngày 31/8/2016 mới ra quyết định xử phạt), là quá thời hạn ra quyết định theo quy định. Ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trả lại cho ông 400 thùng giấy hiệu Copy Paper 60 A4 (05 ram/thùng).

Ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có nội dung như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 24/8/2016, tại Bến xe phía Nam, thành phố B, Đội quản lý thị trường số 1, thuộc Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk đã

tiến hành kiểm tra, khám phương tiện xe ô tô biển số 47C - 112.95 và phát hiện đang vận chuyển 2.000 ram giấy A4 (400 thùng, mỗi thùng 05 ram), hiệu Copypaper là hàng nhập khẩu từ Indonesia. Tại thời điểm kiểm tra, ông Nguyễn Thành N là lái xe, không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa.

Đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, ông Trần Quốc T là chủ sở hữu số hàng hóa nêu trên, đến trụ sở Đội quản lý thị trường số 1 và xuất trình bản Fax hóa đơn giá trị gia tăng số 1006907 ngày 24/8/2016 của Công ty X xuất bán cho ông Trần Quốc T. Đội quản lý thị trường số 1 không chấp nhận hóa đơn này, vì không tuân thủ đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 3 và điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số: 64/2015/TTLT-BTC BCT-BCA- BQP ngày 08/5/2015 của liên Bộ: Tài chính, Công Thương, Công an, Quốc phòng. Đến 16 giờ cùng ngày, Đội quản lý thị trường số 1 lập biên bản vi phạm hành chính số 001615/BB-VPHC đối với ông Trần Quốc T về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, vi phạm khoản 1 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/8/2016, ông Trần Quốc T đến trụ sở Đội quản lý thị trường số 1 và xuất trình hóa đơn giá trị gia tăng số 0006907 ngày 23/8/2016 (*bản chính*) của Công ty X xuất bán cho ông T. Hai hóa đơn giá trị gia tăng mà ông T xuất trình cho Đội quản lý thị trường số 1 ghi ngày khác nhau, tên hàng hóa dịch vụ khác nhau nhằm đối phó tính hợp pháp của hàng hóa, cụ thể: Bản fax hóa đơn ngày 24/8/2016, ghi tên hàng hóa dịch vụ: Giấy Copy Paper 60 A4, số lượng 2.000 ram; Hóa đơn ngày 23/8/2016, ghi tên hàng hóa, dịch vụ: Giấy Copy Paper 60 A4 (4.103,6kg), số lượng 2.000 ram.

Do tang vật vi phạm hành chính của ông T cần tịch thu có giá trị là 82.0000.000đ, vượt quá thẩm quyền xử phạt của Đội quản lý thị trường số 1 và Chi cục trưởng Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk, nên ngày 29/8/2016 Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk đã chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của ông T đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xem xét việc xử phạt. Sau khi xem xét hồ sơ vi phạm, ngày 31/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T, bằng hình thức xử phạt chính là phạt tiền

30.000.000đ, được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ; hình thức phạt bổ sung: Tịch thu tang vật là 400 thùng giấy in A4, hiệu Copy Paper ngoại nhập lậu, được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ. Ngày 11/9/2016, ông Trần Quốc T có đơn khiếu nại đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại của ông T, ngày 25/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 3189/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T, với nội dung chỉ công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại của ông T về xử phạt vi phạm hành chính do quá thời hạn. Ngày 31/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 3245/QĐ-XPVPHC sửa đổi một phần quyết định 2560/QĐ-XPVPHC với nội dung: Không xử phạt tiền đối với ông Trần Quốc T, với lý do đã quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T, được quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính; giữ nguyên quyết định xử phạt bổ sung đối với ông T là tịch thu tang vật vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Như vậy, Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T về việc: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ý kiến trình bày của Đội quản lý thị trường số 1:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 24/8/2016, tại Bến xe phía Nam thành phố B, Đội quản lý thị trường số 1, thuộc Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành kiểm tra, khám phương tiện xe ô tô biển số 47C- 112.95 và phát hiện vận chuyển 2.000 ram giấy A4 (400 thùng, mỗi thùng 05 ram), hiệu Copypaper là hàng nhập khẩu từ Indonesia.

Tại thời điểm kiểm tra, ông Nguyễn Thành N, là lái xe, không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 3/8/2016, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T và tịch thu tang vật vi phạm là 2.000 ram giấy A4 (400 thùng, mỗi thùng 05 ram), hiệu

Copypaper là hàng nhập khẩu từ Indonesia, do Đội quản lý thị trường số 1, thuộc Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk thu giữ và đang quản lý.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 và Quyết định số 3245/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Với nội dung nêu trên, tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 06/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 64/2015/TTLT-BTC-BCT-BCA-BQP ngày 08/5/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; điểm i, khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ; điểm b, điểm d khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T;

Về việc yêu cầu: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với ông Trần Quốc T và việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải trả lại cho ông Trần Quốc T 400 thùng giấy hiệu Copy Paper 60 A4 (05 ram/thùng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2018, người khởi kiện ông Trần Quốc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; với các lý do:

+ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Tuy nhiên, đối với Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 thì việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 08 ngày kể từ ngày lập Biên bản. Như vậy, theo điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính thì khi hết thời hạn không được ra quyết định xử phạt hành chính.

+ Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC lại căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 001615/BBVPHC ngày 25/8/2016 là hoàn toàn không chính xác.

+ Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC xác định ông N là đối tượng thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của ông N.

+ Cửa hàng của ông chỉ làm dịch vụ in ấn – photoppy, có đăng ký kinh doanh. Việc mua bán với công ty TNHH TM DV giấy X có đầy đủ các giấy tờ có liên quan đến nhập khẩu hợp pháp và nguồn gốc hàng hóa rõ ràng và hóa đơn chứng từ đầy đủ và việc cung cấp hóa đơn gia tăng cho Đội quản lý thị trường 1 (ngày 25/8/2016) chậm hơn một ngày với thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 24/8/2016) là do nguyên nhân khách quan.

Cho nên, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm: Kinh doanh hàng hóa ngoại nhập lậu được quy định điểm i Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ, đồng thời thu giữ toàn bộ số hàng hóa là hoàn toàn thiếu căn cứ và trái với quy định pháp luật xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích chính đáng của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Quốc T không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm; Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của ông Trần Quốc T, thấy phù hợp nên có cơ sở xác định nội dung vụ án như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 24/8/2016, tại bến xe phía Nam thành phố B, Đội quản lý thị trường số 1, thuộc Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk, tiến hành kiểm tra theo thủ tục hành chính đối với xe ô tô biển số 47C -112.95, do lái xe Nguyễn Thanh Nguyên điều khiển và phát hiện ông N đang vận

chuyển 400 thùng giấy in A4, hiệu Copy Paper, có nguồn gốc nhập khẩu từ Indonesia nhưng ông N không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa đang vận chuyển nên Đội quản lý thị trường số 1 đã tạm giữ tang vật, phương tiện để xử lý.

Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông Trần Quốc T đến Đội quản lý thị trường (*sau đây gọi tắt là Đội QLTT*) số 1 thừa nhận là chủ sở hữu 400 thùng giấy in nêu trên và xuất trình bản Fax (*liên 1, bản Fax*) hóa đơn Giá trị gia tăng (*sau đây gọi tắt là hóa đơn GTGT*) số 0006907 ký hiệu AA/15P, đề ngày 24/8/2016. Đội QLTT số 1 không chấp nhận và lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu lúc 16h cùng ngày.

Đến 14 giờ 30 phút ngày 23/8/2016, ông Trần Quốc T đến Đội QLTT số 1 xuất trình bản chính (*liên 2*) hóa đơn Giá trị gia tăng số 0006907 ký hiệu AA/15P, đề ngày 23/8/2016.

Ngày 31/8/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T bằng hình thức xử phạt chính là phạt tiền 30.000.000đ và hình thức xử phạt bổ sung tịch thu 400 thùng giấy in.

Ngày 11/9/2016 ông T khiếu nại Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC.

Ngày 25/10/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3189/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quốc T và Quyết định số 3245/QĐ-XPVPHC ngày 31/10/2016, với nội dung: sửa đổi một phần Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016, không xử phạt tiền, còn các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016.

[2] *Xét kháng cáo của ông Trần Quốc T:*

[2.1] Hàng hoá (*2.000 ram giấy A4 hiệu Copypaper*) của ông T là hàng nhập khẩu từ Ấn Độ, được Công ty X xuất bán cho ông Trần Quốc T có hoá đơn GTGT số 0006907 ký hiệu AA/15P ngày 23/8/2016.

[2.2] Ông Trần Quốc T xuất trình cho Đội QLTT số 1 hai hoá đơn:

- Hóa đơn GTGT liên 1, bản Fax, mang số 0006907 ký hiệu AA/15P ngày 24/8/2016 và hóa đơn GTGT liên 2, bản chính số 0006907 ký hiệu AA/15P ngày 23/8/2016 là không thống nhất về ngày; trên hoá đơn ghi hai ngày khác

nhau và khác nhau về nội dung cụ thể về định lượng hàng hoá (01 hóa đơn có ghi định lượng 4.103,6 kg; 01 hóa đơn không ghi định lượng). Công ty X khai không xuất hoá đơn GTGT số 0006907 ký hiệu AA/15P ngày 24/8/2016.

Vì vậy, hoá đơn GTGT số 0006907 ký hiệu AA/15P ngày 24/8/2016 (liên 1, bản Fax) xuất trình cho Đội QLTT số 1 vào lúc 14h30 ngày 24/8/2016 là không hợp pháp. Cho nên, ngay tại thời điểm kiểm tra ông Nguyễn Thành N là lái xe và ông Trần Quốc T là chủ sở hữu của 400 thùng giấy in đã không xuất trình được hoá đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hoá nhập khẩu thì bị coi là hàng nhập lậu theo quy định tại khoản 1 điều 3 và điểm a khoản 1 điều 6 Thông tư số 64/2015/TTLT-BTC- BCT-BCA-BQP ngày 08/5/2015 của liên Bộ Tài chính, Công Thương, Công an, Quốc Phòng quy định chế độ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá nhập khẩu lưu thông trên thị trường:

Điều 3 quy định về thời hạn xuất trình hóa đơn, chứng từ như sau:

*"1. Đối với hàng hóa nhập khẩu **đang trên đường vận chuyển**, đang bày bán, để tại kho, bến, bãi, điểm tập kết (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thì cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhập khẩu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải xuất trình đầy đủ hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa theo quy định của pháp luật và Thông tư này ngay tại thời điểm kiểm tra."*

Điều 6 hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính về hàng hóa nhập khẩu được xem là hàng nhập lậu:

*"1. Hàng hóa **nhập khẩu** của cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhập khẩu thuộc một trong các trường hợp sau đây thì **hàng hóa nhập khẩu bị coi là hàng hóa nhập lậu**:*

*a) Hàng hóa nhập khẩu **đang trên đường vận chuyển**; đang bày bán; để tại kho, bến, bãi, điểm tập kết mà cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhập khẩu không xuất trình được các hóa đơn, chứng từ chứng minh tính hợp pháp trong thời hạn quy định tại **Điều 3 Thông tư này**;"*

Do đó, với các quy định nêu trên thì hành vi vi phạm của ông Trần Quốc T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 30.000.000đ và hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu 400 thùng giấy in, tang vật vi phạm hành chính là đúng quy định tại điểm i khoản 1 Điều

17 và điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính Phủ.

[3] Theo quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, quy định thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau: *“1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.”* Theo Điều 8 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định cách tính thời hạn như sau: *“Điều 8. Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính: 1. Các tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc.”*; bên cạnh đó, Bộ luật dân sự 2005 quy định thời hạn tại Điều 150 và Điều 152 như sau: *“**Điều 150.** áp dụng cách tính thời hạn: 2. Thời hạn được tính theo dương lịch. **Điều 152.** Thời điểm bắt đầu thời hạn 1. 2. Khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo của ngày được xác định”*.

Với các quy định nêu trên, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 không quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc nên phải áp dụng cách tính thời hạn theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 đối với trường hợp của ông Trần Quốc T. Cụ thể: Vi phạm của ông Trần Quốc T được lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 24/8/2016 nên thời điểm bắt đầu để tính thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T được tính từ ngày 25/8/2016 và tính đến ngày 31/8/2016 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 2560/QĐ-XPVPHC là trong thời hạn 07 ngày và không quá thời hạn xử phạt hành vi vi phạm hành chính của ông T. Vì vậy, kháng cáo của ông Trần Quốc T cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt hành chính quá thời hạn theo quy định là không đúng. Cho nên, việc Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 3245/QĐ-XPVPHC sửa đổi một phần quyết định 2560/QĐ-XPVPHC với nội dung: Không xử phạt tiền đối với ông Trần Quốc T, với lý do đã quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T là đã có lợi cho ông T.

[4] Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T số 2560/QĐ-XPVPHC nêu một trong những căn cứ để ra quyết định xử phạt

“*Căn cứ biên bản vi phạm hành chính ngày 25/8/2016*” là không chính xác, sai sót trong soạn thảo văn bản; Tuy nhiên, trên thực tế ông T có hành vi vi phạm hành chính vào ngày 24/8/2016; biên bản vi phạm hành chính được lập ngày 24/8/2016 được ông T thừa nhận và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quốc T số 2560/QĐ-XPVPHC ban hành đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục và công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng và đúng nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính được quy định của Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc T về việc yêu cầu: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với ông Trần Quốc T và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trả lại cho ông T 400 thùng giấy in A4, hiệu Copy Paper 60.

[5] Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 64/2015/TTLT-BTC-BCT-BCA-BQP ngày 08/5/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; điểm i, khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ; điểm b, điểm d khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Bác đơn khởi kiện của ông Trần Quốc T về yêu cầu: Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2560/QĐ-XPVPHC ngày 31/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với ông Trần Quốc T và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trả lại cho ông Trần Quốc T 400 thùng giấy hiệu Copy Paper 60 A4 (05 ram/thùng).

Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp tại biên lai thu số 05536 ngày 06/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh